

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16- 3-2022

"Về việc: Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đào Quang Khuyến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tuấn** và ông **Bùi Xuân Nghi**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Hoàng Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viện.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1990

HKTT: Thôn Đ, xã Kh, huyện M, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoài Th** - sinh năm 1989

HKTT: Thôn Đ, xã Th, huyện M, tỉnh H.

Chị L, anh Th đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án, tại phiên toà và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Chị và anh Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 02/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự hòa hợp mỗi người một quan điểm sống khác nhau, mặt khác vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng vẫn chưa có con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 11/2019 chị đã bỏ về nhà đẻ ở, sau khi chị về nhà đẻ ở anh Th có đến tìm chị một lần, hai bên gia đình không gặp nhau lần nào để bàn bạc hàn gắn vợ chồng, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2019 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh Th chưa có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án, tại phiên toà và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoài Th trình bày:*** Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống vẫn hoà thuận được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh đi lái tàu biển vợ chồng ít gặp nhau, trong thời gian anh đi biển chị L ở nhà có nhiều lý do khách quan bị tác động của người ngoài, chị không cho anh gọi điện liên lạc thường xuyên về cho chị. Tháng 4/2019 hết thời gian đi biển anh về nhà vợ chồng đã đi khám sức khỏe về sinh sản ở Bệnh viện Hà Nội, anh bị khó có con tự nhiên, bác sĩ kê đơn thuốc điều trị nhưng không có tiến triển, đến tháng 9/2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng vì bố đẻ anh có nói chị L nên mấy hôm sau chị L không về nhà anh ăn cơm trưa, anh có khuyên chị về ăn cơm trưa cùng gia đình nhưng chị L không đồng ý còn tuyên bố không bao giờ về ăn cơm trưa nữa và từ ngày mai sẽ đi làm thêm buổi tối, anh phản đối thì vợ chồng cãi vã nhau. Tháng 11/2019 chị L bỏ về nhà đẻ ở, anh có đến tìm chị, bố mẹ anh có đến gia đình chị L để nói chuyện bàn bạc khác phục mâu thuẫn vợ chồng anh nhưng bố mẹ chị L không gặp và vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2019 không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được vì chị L không lấy đồ đạc, tư trang cá nhân của chị L về nên anh chưa đồng ý ly hôn, khi chị L lấy đồ đạc, tư trang cá nhân về lúc đó anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không có ai nợ vợ chồng, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của hai bên gia đình nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L trình bày:*** Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L, quá trình chung sống, chị L và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, nay chị L xin ly hôn anh Th bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị L được ly hôn anh Th. Về con chung, anh chị chưa có con chung. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với gia đình bà.

***Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Hữu L trình bày:*** Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Hoài Th. Trong quá trình chung sống, chị L, anh Th có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chị L không thông cảm với công việc của anh Th, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nay chị L xin ly hôn anh Th, ông mong muốn Toà án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh, chị chưa có con chung. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với gia đình ông.

***Kết quả làm việc tại chính quyền địa phương và các đoàn thể có liên quan của xã Thanh Tùng cung cấp:*** Anh Th, chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Chị L, anh Th có xảy ra mâu thuẫn sau đó chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Do anh chị không báo cáo nên chính quyền và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị L xin ly hôn anh Th đề nghị Toà án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hoài Th.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị L, anh Th không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện ngày 02/8/2017 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt hàng ngày mỗi người một quan điểm sống khác nhau, mặt khác vợ chồng chung sống đã lâu vẫn chưa có con. Vợ chồng đã chữa trị nhưng vẫn không có kết quả, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày một căng thẳng. Từ tháng 11/2019 đến nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn, anh Th cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được vì chị L chưa lấy đồ đạc, tư trang cá nhân của chị L về nên anh chưa đồng ý ly hôn. Chị L xác định: đồ đạc, tư trang các nhân chị không yêu cầu lấy lại đề nghị anh Th hủy bỏ nhưng anh Th không đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chỉ vì chị L không đến lấy đồ đạc, tư trang cá nhân của chị L nên anh Th không nhất trí ly hôn.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị L thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, cần áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hoài Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị L, anh Th chưa có con chung, nên không phải giải quyết.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị L, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1- Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hoài Th.

*2- Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004090 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị L đã nộp đủ án phí.

*3- Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đương sự. Báo cho chị L, anh Th biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện;  
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyến***